

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/ HNGĐ - ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Toan

Ông Vũ Văn Thao

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa:
Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX-ST ngày 25/8/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

HKTT: Thôn La, xã Y, huyện, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trần Văn T2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn La, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, anh T2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/6/2021, bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y vào ngày 18/08/2009. Quá trình

chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh T2 không tu trí làm ăn, thường xuyên uống rượu, cờ bạc, say xỉn suốt ngày, nhiều lần chị đã khuyên bảo nhưng anh T2 không tiếp thu mà vẫn uống rượu. Sau mỗi lần uống rượu say anh T2 lại về chửi bới, đánh đập chị nên tháng 12/2015 chị cùng hai con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa sinh sống. Thương con còn nhỏ và cũng cho cơ hội để anh T2 suy nghĩ lại về cách sống của bản thân nên sau 03 tháng chị T lại về thôn La, xã Yên Thành sinh sống cùng với anh T2. Khi chị quay về chung sống cùng thì anh T2 vẫn không thay đổi tính cách, tiếp tục đánh chị, có lần anh T2 đánh chị gây nhiều vết thương chảy máu ở mặt nhưng anh T2 không cho chị đi khám và điều trị vết thương nên mỗi khi anh T2 uống rượu, chị lại phải chạy sang nhà anh em để trốn. Càng ngày anh T2 càng quá ra không chịu lao động, thường xuyên say xỉn và đánh đập chị, nên đến tháng 7/2018, chị và hai con đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 1, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa sinh sống và cũng từ đó vợ chồng chị sống ly thân không ai quan T đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Bích X, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Trần Thị Thông M, sinh ngày 09/4/2017. Hiện nay cả hai cháu X và cháu M đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cả hai cháu X và cháu M, chị không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị xin được nuôi dưỡng hai cháu vì chị có điều kiện chăm sóc các cháu tốt hơn anh T2 cụ thể: Từ nhỏ cả hai cháu do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH Sea Big Thanh Hóa thu nhập bình quân từ 6.000.000đ – 7.000.000đ và có nơi ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ chị, bố mẹ đẻ chị tạo điều kiện để mẹ con chị được ở chung nhà và cùng chị chăm sóc hai cháu. Ba mẹ con chị đang có cuộc sống ổn định tại xã C, Huyện H; các cháu được chị nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển tốt. Anh T2 từ trước đến nay luôn trong tình trạng say rượu, không tu chí làm ăn nên không thể chăm sóc các cháu tốt bằng chị. Các cháu đều mong muốn ở cùng nhau và cháu X đã có đơn đề nghị xin được ở với mẹ. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân hơn 3 năm anh T2 cũng không có trách nhiệm với các con, chỉ vào thăm con có một lần cho các con 01 thùng sữa và 1 triệu đồng ngoài ra anh T2 không quan T đến các con ngay cả khi các cháu bị ốm đau.

Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh Trần Văn T2 trình bày: Anh kết hôn với chị T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y vào ngày 18/8/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được khoảng sáu năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh uống rượu, nên có lúc vợ chồng có va chạm nhỏ trong cuộc sống. Đến ngày

30/12/2015 (âm lịch) chị T đã bỏ nhà đi, sau ba tháng chị T lại về nhà, vợ chồng tiếp tục chung sống cùng với nhau. Đến khoảng tháng 4 năm 2018 chị T lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 1, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vợ chồng sống ly thân, không còn quan T đến cuộc sống của nhau. Nay chị T xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn con cái có đầy đủ tình cảm của cả bố và mẹ. Tại phiên tòa anh T2 xác định anh mong muốn vợ chồng cùng nhau nuôi con nhưng cô T không đồng ý về chung sống cùng anh nên anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với cô T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị T khai; hiện nay cả hai cháu Xinh và cháu Minh đang ở với chị T, khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai cháu M và cháu X không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm ruộng ngoài ra còn đi làm thợ xây, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T2 đề nghị mỗi người nuôi một cháu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T2 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2019, Ủy ban nhân dân xã Yên Thành đã cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T2 lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/2009. Quá trình chung sống anh T2 chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm, anh T2 đã nhiều lần đánh đập chị T. Tháng 7/2018 chị T đã cùng với hai con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị T có đơn khởi xin ly hôn với anh T2, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh T2 có hai con chung là cháu Trần Thị Bích Xinh, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Trần Thị Thông Minh, sinh ngày 09/4/ 2017. Do anh T2 thường xuyên uống rượu và không tu chí làm ăn, nghề nghiệp chính chủ yếu làm ruộng, nên không đảm bảo việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Hiện tại cả hai cháu đang ở với chị T, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu, đề nghị Tòa án giao cháu Xinh và cháu Minh cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tổ tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô nghiên cứu đúng thời gian. Đối với các đương sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cũng có lúc chưa chấp hành các quy

định của pháp luật nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T2 theo đúng quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T2.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bích X, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Trần Thị Thông M, sinh ngày 09/4/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu thành niên; anh Trần Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T và anh T2 đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Văn T2, địa chỉ: Xóm B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T2 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/08/2009, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T và anh T2 chung sống hạnh phúc được thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do anh T2 thường xuyên uống rượu và đánh đập chị T. Chị T đã khuyên bảo và chịu đựng mong anh T2 thay đổi tính cách để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con nhưng anh T2 không thay đổi tính cách mà tiếp tục đánh đập chị T. Đến tháng 7/2018 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hậu Lộc Thanh Hóa sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó không ai quan T đến cuộc sống của nhau. Nay chị T

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T2. Tại phiên tòa anh T2 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của chị T và anh T2, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T2 là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Con chung: Chị T và anh T2 có hai con chung cháu Trần Thị Bích X, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Trần Thị Thông M, sinh ngày 09/4/2017. Khi ly hôn chị T đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con và chứng minh có đủ điều kiện để chăm sóc các cháu tốt nhất như: chị có thu nhập ổn định từ 5.000.000đ - 7.000.000đ, chị đang ở nhà ổn định cùng bố mẹ, từ nhỏ đến nay các cháu X và M đều do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay cả hai cháu đang được học tập và phát triển tốt tại xã C, huyện. Cháu Trần Thị Bích X có đơn trình bày nguyện vọng xin ở với mẹ. Tại phiên tòa anh T2 đề nghị Tòa án giải quyết để mỗi người nuôi một cháu là cháu Trần Bích X và chứng minh hiện nay nghề nghiệp chính là làm ruộng, ngoài ra anh có đi làm thợ xây lương tháng từ 3.000.000 đến 4.000.000đ. Xét thấy: Cả chị T và anh T2 đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên quyết định giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét vào nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con. Chị T có thu nhập và chỗ ở ổn định, từ nhỏ đến nay hai cháu do chị T chăm sóc và hiện nay cháu X và cháu M đang học tập ổn định tại xã C, huyện H. Ông Nguyễn Văn N là bố đẻ của chị T có đơn cho chị T và các cháu sinh sống tại nhà của ông và hỗ trợ cùng chị T nuôi dạy các cháu. Cháu M hiện nay mới 4 tuổi rất cần sự chăm sóc của mẹ, cháu X trên 7 tuổi đã có đơn thể hiện nguyện vọng ở với mẹ. Hơn nữa UBND xã Y nơi anh T2 cư trú đã thể hiện quan điểm về việc giao con chưa thành niên cho bố hay mẹ nuôi sau khi ly hôn : anh T2 thường xuyên say rượu, không tu chí làm ăn, nghề nghiệp chính là làm ruộng nên không đảm bảo việc chăm sóc con chung, hiện tại các cháu đang ở với chị T để đảm bảo quyền lợi của các cháu đề nghị Tòa án giao các cháu cho chị T chăm sóc. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu; tạo điều kiện để các cháu được phát triển một cách tốt nhất, không để các cháu bị ảnh hưởng T lý khi thay đổi chỗ ở và nơi học tập và xem xét đến nguyện vọng của cháu X mong muốn được ở với mẹ, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu Trần Thị Bích X, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Trần Thị Thông M, sinh ngày 09/4/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử công nhân thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T2. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T2 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bích X, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Trần Thị Thông M, sinh ngày 09/4/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu X và cháu M thành niên đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T2 có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; Chị T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh T2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0006177 ngày 02 / 7/ 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

